TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA
tapchikhoahoc@ukh.edu.vn

SỐ PHẬN NGƯỜI DÂN THUỘC ĐỊA TRONG TÁC PHẨM "BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP" CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC, GẦN MỘT THẾ KỶ NHÌN LẠI

Trần Thị Thu Hoài

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Tóm tắt: *Kỷ niệm 96 năm ngày tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" được xuất bản lần đầu tiên tại nước Pháp (1925-2021) là dịp để chúng ta nhìn lại lịch sử dân tộc và thêm trân quý hơn những gì chúng ta đang có hôm nay. Gần một thế kỷ vật đổi sao dời với những biến động chính trị to lớn diễn ra trên đất nước ta, từ một nước thuộc địa, cuộc Cách mạng tháng Tám mùa Thu cách đây hơn ¾ thế kỷ đã đưa Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập. Từ thân phận nô lệ, những người Việt Nam đã trở thành người làm chủ bản thân, làm chủ quê hương đất nước. Đó là một bước thay đổi mang tính cách mạng đầy ngoạn mục với các cá nhân cũng như với cả một dân tộc, một quốc gia. Tuy nhiên, chỉ chưa đầy một thế kỷ trước, dưới sự cai trị tàn bạo, phi nhân tính của một chế độ "ăn cướp, hiếp dâm, giết người", người Việt Nam đã sống như thế nào, dân tộc Viêt Nam đã tồn tại ra sao? Trên cơ sở 12 chương của tác phẩm"Bản án chế độ thực dân Pháp", tác giả đã tập trung vào nội dung miêu tả số phận người dân trong chế độ thuộc địa. Đây chính là tiêu chí quan trọng thể hiện bản chất của một chế độ chính trị. Nội dung này được thể hiện qua các vấn đề: Về thuế máu-thứ thuế độc nhất vô nhị trong chế độ thuộc địa; Việc đầu độc người bản xứ của chủ nghĩa thực dân; Chính sách sưu cao thuế nặng; Bệnh ăn cắp của viên chức và nạn phu phen, tạp dịch; Chính sách ngu dân và nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ.*

Từ khóa: *bản xứ; cai trị; Đông Dương; thuộc địa; thực dân.*

1. Mở đầu

Gần một thế kỷ đã trôi qua kể từ khi tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" được xuất bản lần đầu tiên ở Pari năm 1925. Và tính đến hôm nay, cũng hơn 60 năm tác phẩm này lần đầu tiên được xuất bản tại Việt Nam bằng tiếng Việt. Gần một thế kỷ với bao thăng trầm, biến cố trong lịch sử dân tộc, nhìn lại lịch sử, nhìn lại những gì con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã trải qua để trân trọng hơn những gì chúng ta đang có hôm nay. Với ý nghĩa như vậy, bài viết lật lại tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", di sản tinh thần quý báu mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta để một lần nữa ôn lại những tháng ngày không thể nào quên trong lịch sử bi thương của dân tộc.

2. Nội dung

Tác phẩm 12 chương, một phụ lục được Nguyễn Ái Quốc- một người dân thuộc địa- viết bằng máu, nước mắt khi tận mắt chứng kiến những tội ác và "thói dâm bạo thực dân" [2, tr.118] của bọn đế quốc thực dân trên quê hương mình cũng như các thuộc địa khắp nơi trên thế giới đã lay động con tim của hàng triệu người có lương tri suốt gần thế kỷ qua. Đọc lại chúng ta vẫn không khỏi phẫn uất, căm giận "thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược" [2,tr.120] và xót xa với nỗi thống khổ của những con người vô tội bị áp bức cùng cực, bị biến thành "bầy người", không còn thân phận con người nữa.

"Bản án chế độ thực dân Pháp" bàn tới 2 mảng nội dung chủ yếu đó là: số phận người dân thuộc địa dưới ách cai trị thực dân; chính quyền thuộc địa và các đồng minh của chính quyền- yếu tố quyết định số phận người dân thuộc địa. Rên xiết dưới ách cai trị tàn bạo, phi nhân tính của một chế độ, ăn cướp, hiếp dâm và giết người, những người nô lệ đã thức tỉnh và cần tới một lực lượng lãnh đạo họ đấu tranh đi tới độc lập, tự do. Bài viết tập trung vào nội dung đầu tiên: Số phận người dân thuộc địa.

Gần một nửa dung lượng của tác phẩm, chiếm tới 5 trong tổng số 12 chương Nguyễn Ái

Quốc dành để viết về thân phận những người dân mất nước bị đày đọa bởi chủ nghĩa thực dân (chương 1,2,7,9,11).

Chương 1: Thuế máu

Chương 2: Việc đầu độc người bản xứ

Chương 7: Bóc lột người bản xứ

Chương 9: Chính sách ngu dân

Chương 11: Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ

Những người dân thuộc địa bị bóc lột, đày đọa về thể xác và tra tấn về tinh thần, họ bị lột da xẻ thịt bằng vô khối các hình thức bóc lột thậm tệ khác nhau. Đặc biệt, những người phụ nữ bản xứ là đối tượng Nguyễn Ái Quốc dành nhiều sự quan tâm tới họ với lòng xót thương và sự căm phẫn đến tột độ những gì chủ nghĩa thực dân đã gây ra cho họ.

2.1. Về thuế máu, thứ thuế độc nhất vô nhị trong chế độ thuộc địa

Dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch. Chưa đủ, từ năm 1915-1916, họ phải chịu thêm cái vạ mộ lính, thực hiện "Chế độ lính tình nguyện" thông qua những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương để phục vụ cho cuộc chiến tranh thế giới mà thực dân Pháp trực tiếp tham chiến. Những người Đông Dương chỉ có một trong hai cách lựa chọn "đi lính tình nguyện hoặc xì tiền ra" [2, tr.27]. Nếu rủi ro bị bắt vào trại lính, những người Đông Dương sẽ tìm mọi cơ hội để trốn thoát. Họ "tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu" [2, tr.27].

Dù những vụ trốn lính và đào ngũ chiếm tới 50% hàng ngũ quân dự bị đều bị đàn áp không gớm tay và viên chỉ huy tối cao của quân đội Đông Dương nghĩ ra cách dề phòng trốn lính bằng cách "thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch nitorát bạc" [2, tr.28]. Những biện pháp phòng trốn lính man rợ như vậy vẫn không ngăn cản được người Đông Dương đào ngũ và trốn lính. Con số 50% là một bằng chứng rõ ràng, sinh động cho câu chuyện này.

Điều gì gây ra sự hãi hùng cho người Đông Dương nói riêng và các thuộc địa nói chung về chế độ lính "tình nguyện" như vậy? Bởi họ biết rằng họ chỉ là "những đội quân để đem nướng trước mùa đông" [2,tr.30], số phận của họ tất yếu sẽ là "phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu", "bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban căng", họ chỉ là "vật liệu biết nói", "lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy, lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế" [2,tr.26]. 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp thì 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa. Những cựu binh "may mắn" sống sót- đúng hơn là cái xác còn lại- sau khi bị lột tất cả của cải, họ bị giao cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập vô cớ, người ta cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới gầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí để trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả [2,tr.32]

2.2. Việc đầu độc người bản xứ được chủ nghĩa thực dân thực hiện một cách bài bản, có hệ thống

Ngoài thứ "thuế máu" rùng rợn và kinh hoàng đó, người bản xứ còn bị đầu độc bởi rượu cồn và thuốc phiện. Mức rượu cồn và thuộc phiện bị ấn định trên đầu người "kể cả người già, phụ nữ, trẻ em, đến cả đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải uống thay" [2, tr.43]. Khi muốn tăng định mức tiêu thụ trong một địa phương, chỉ cần một nét bút, số dân của tỉnh ấy "bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp" [2, tr.42]. Thứ rượu dân bản xứ phải tọng vào người là loại "cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu", đó là thứ rượu mà "cứ mỗi héc tô lít rượu pha thêm 8 lít nước lã" [2, tr.43]

Cứ 1000 làng thì có đến 1500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số 1000 làng đó lại chỉ có vẻn vẹn 10 trường học [2, tr.40]

Thứ hàng hóa hủy diệt người Đông Dương, làm cho người Đông Dương u mê, ngu muội đi đem lại lợi nhuận kếch xù cho các nhân vật cao quý ở Đông Dương và quan chức tất cả các ngành cai trị có cổ phần trong các công ty độc quyền rượu. Từ ngành tư pháp, quân đội, hành chính đến nghị viên của một địa phương. Mỗi nhân vật này đều có vai trò nhất định đảm bảo cho việc kinh doanh rượu cồn và thuộc phiện thành công.

2.3. Chính sách sưu cao thuế nặng, bệnh ăn cắp của viên chức và nạn phu phen, tạp dịch

Chưa có một chế độ nào, mà người dân phải chịu "những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến" [2,tr.81] đến như vậy để nuôi béo các quan cai trị. Thuế đất, thuế thân, thuế lưu thông hàng hóa, nghĩa vụ mua công trái,… đổ ụp lên đầu mỗi người dân lương thiện vô tội. Bọn thực dân thực hiện đủ mọi trò bịp bợm, ma mãnh để tăng nguồn thu từ thuế như định lại thước đo ruộng đất, xếp hạng ruộng đất một

cách gian dối, chữa lại các con số của tài khóa khiến cho dân An Nam "buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế"[2,tr.82]. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp thuế cho những ruộng đất mà họ đã bị tước đoạt từ nhiều năm trước. Người An Nam thà vứt của đi còn hơn phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi không thôi. Họ nhổ thuốc, chặt cau để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Bệnh ăn cắp của các viên chức tham gian ngành bưu điện dẫn tới "đã nhiều tháng nay nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả" [2, tr.86]

Nạn phu phen, tạp dịch lên rừng xanh núi đỏ làm cho người An Nam chết dần chết mòn. Số người được trở về rất ít. Cảnh bắt phu đã làm cho xóm làng trở nên tiêu điều xơ xác vì nhà hoang cửa trống, dân làng trốn biệt do sợ hãi. Nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi.

2.4. Chính sách ngu dân - chính sách phổ biến nhất về văn hóa, xã hội trong chế độ thuộc địa

"Làm cho dân ngu để dễ trị" là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa ưa dùng nhất. Ngoài đầu độc nhân dân thuộc địa bằng rượu cồn, thuốc phiện, chủ nghĩa thực dân còn duy trì và thực hiện gắt gao chính sách kiểm duyệt báo chí và các sản phẩm văn hóa, kiểm duyệt thư tín, không mở trường học để hàng ngàn trẻ em chịu ngu dốt vì thiếu trường học, ngăn cản thanh niên Việt Nam sang Pháp du học. Không chỉ báo chí tiếng Việt mà cả báo chí tiếng Pháp cũng bị kiểm duyệt gắt gao. Không chỉ những tờ báo bàn tới các cuộc bầu cử, các đạo luật để mở mang kiến thức cho người Đông Dương bị nhòm ngó mà các tờ báo "không chịu ca tụng đức độ của các "cụ lớn" thuộc địa" [2, tr.107], những tờ báo và văn hóa phẩm không hợp khẩu vị của các nhà cầm quyền cũng bị sờ tới.

"Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt" [2, tr.107] đã giúp "chính quyền Đông Dương có thể ỉm được tất cả các vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền" [2,tr.106]. Tham nhũng ngân sách tràn lan "trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi" [2,tr.108]. Với chính sách ngu dân triệt để của thực dân Pháp thì ngay cả đến cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau người dân thuộc địa cũng không được hưởng.

2.5. Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ

Trong những người bản xứ, có lẽ đối tượng bị chà đạp tàn tệ, phi nhân tính nhất là những người phụ nữ: "Không một chỗ nào những người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược" [2, tr.114]. "Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là con đĩ, con bú dù là một việc thông thường" [2, tr.114]. Chế độ thuộc địa làm cho "phụ nữ An Nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức". Nếu như có thể coi ăn cướp, hiếp dâm và giết người là ba đặc trưng nổi bật của chế độ thực dân thì một trong ba đặc trưng đó chế độ thực dân "dành riêng" tặng cho những người phụ nữ, bất kể già, trẻ, lớn bé. Và không chỉ ở An Nam, ở tất cả các thuộc địa khác của Pháp, số phận của người phụ nữ đều như vậy. Chế độ thực dân quả thực là một nền văn minh quái vật, một nền văn minh khát máu- một nền "văn minh" mà tại đó: "cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó" [2,tr.220].

Người bản xứ nói chung và người phụ nữ nói riêng bị đối xử không như với con người: "Một tên lính buộc một người phụ nữ An Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi" [2, tr.119]. Thực dân ở đâu cũng vậy: "một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hắn đổ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết" [2, tr.115]. Thật quá sức tưởng tượng!

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hoá, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ [2,tr.118].

Chủ nghĩa thực dân là sự tổng hợp tất cả những xấu xa của xã hội phong kiến và tư bản chủ nghĩa. "Người ta thấy lại trong các thuộc địa đó tất cả hệ thống phong kiến trung cổ và dã man của chủ nghĩa tư bản". Chừng nào chủ nghĩa thực dân còn tồn tại, không chỉ người bản xứ đau khổ mà nói như Nguyễn Ái Quốc: "Ôi, nước Pháp đau khổ, Đông Tây đau khổ, nhân loại đau khổ!". Với tất cả những tội ác trời không dung, đất không tha với loài người, chế độ thực dân tất yếu phải được xoá bỏ trên phạm vi toàn thế giới thì nhân loại mới có thể tiến lên phía trước.

3. Kết luận

"Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội" [1, tr.40]. Tuy nhiên, với sự thông tuệ, với niềm tin sâu sắc vào

văn hóa Việt Nam, sự hiểu biết về con người Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định một cách dứt khoát: "Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi… Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến" [1, tr.40]. Với niềm tin sâu sắc vào sức mạnh quật khởi của quần chúng nhân dân, với lòng yêu thương, nâng niu, trân trọng con người, chính Người đã đứng lên chỉ đường cho họ, giác ngộ họ, tập hợp họ đấu tranh để giành quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc.

Tròn 20 năm kể từ ngày tuyên án chủ nghĩa thực dân với "Bản án chế độ thực dân Pháp", mùa Thu năm 1945, Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh đã cùng Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam thực thi bản án đó trên hiện thực. Cách mạng tháng Tám đã đưa Việt Nam từ một thuộc địa thành một quốc gia độc lập, đưa những người nô lệ trở thành những người tự do. Đây là một cuộc "lột xác" ngoạn mục của cả một dân tộc trong quá trình tồn tại và phát triển.

Nhìn lại lịch sử để biết nâng niu, trân trọng và gìn giữ những gì chúng ta đang có hôm nay, tiếp tục kiên định vững bước trên con đường mà biết bao thế hệ người Việt Nam đã phải đổi bằng máu xương, nước mắt- con đường tiến tới một tương lai: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là trọng trách nặng nề và thiêng liêng mà mỗi người Việt Nam chúng ta cần chung vai góp sức thực hiện thành công trên thực tế. Đó là cách tri ân một cách đầy ý nghĩa với những bậc tiền bối đã xả thân vì nền độc lập, tự do của đất nước này./.

Tài liệu tham khảo

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011

[2] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011

THE FATE OF THE COLONISTS IN THE WORKS OF NGUYEN AI QUOC "JUDGMENT OF THE FRENCH COLONIAL REGIME", NEARLY A CENTURY LOOK BACK

Tran Thi Thu Hoai

National Economics University, Hanoi

Abstract: *The 96th anniversary of the first publication of the "Judgment of the French colonial regime" (1925-2021) is an opportunity for us to look back on the national history and we further appreciate what is available today. Nearly a century of changing with great political upheavals took place in our country. From a colonial country, the August-autumn revolution more than ¾ century ago made Vietnam become an independent nation. From the position of slaves, the Vietnamese people have become masters of themselves and the nation's homeland. It is a dramatic revolutionary change for individuals as well as for a people, a nation. However, looking back less than a century ago, under the brutal, inhumane rule of a regime of "robbery, rape, murder", how Vietnamese people lived and exist? On the basis of 12 chapters of the work "Judgment of the French colonial regime", the author has focused on the content describing the fate of people in the colonial regime. This is an important criterion that shows the nature of a political regime. This content is expressed through the following issues: About blood tax, the unique tax in the colonial regime; The poisoning of the natives; The policy of high tax collection, serious employee theft and misery; The stupefy policy and indigenous woman's suffering.*

Keywords: *indigenous; rulership; Indochina; colonial; colonialism.*